TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST Ngày 28-7-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nghĩa vụ thanh toán nợ chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thuý Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Khiêm và bà Hoàng Thị Giang.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2023/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nghĩa vụ thanh toán nợ chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lô Đức T, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đường Việt N, Trưởng phòng kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 16/QĐ-NHNo,LB ngày 24/3/2023); có mặt.

2. Ngân hàng chính sách xã hội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Việt Q, Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B,

tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 123/QĐ-NHCS, ngày 19/10/2021); vắng mặt.

3. Hội nông dân. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Bá T, Phó chủ tịch Hội nông dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 86/QĐ-HNDH, ngày 18-3-2023); có mặt.

4. Ông Vi Văn T; vắng mặt.

5. Bà Đặng Thị L; vắng mặt.

6. Anh Đặng Văn C; vắng mặt.

7. Chị Vi Đặng Hồng H; vắng mặt.

8. Anh Vi Văn H; vắng mặt.

9. Chị Hoàng Thị T; vắng mặt.

Đều cư trú tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn H; cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị C; cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Lô Văn T; vắng mặt.

4. Chị Đinh Thị N; có mặt.

5. Anh Lô Văn T1; vắng mặt.

6. Anh Lô Văn N; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H tự nguyện kết hôn với anh Lô Đức T năm 2001, trước khi kết hôn có thời gian tự tìm hiểu khoảng 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn có cán bộ xã đến nhà kê khai đăng ký kết hôn, khi đó chị Hoàng Thị H không ở nhà, mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị T đã viết tên chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T vào tờ khai đó. Hiện nay trong sổ tư pháp của xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có tên chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đăng ký kết hôn, nhưng xã không cấp Giấy đăng ký kết hôn cho chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T. Vì vậy đến thời điểm hiện tại anh chị không có Giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2009 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm, tính cách không phù hợp, cả hai không có tiếng nói chung. Anh Lô Đức T hay chơi bời, có lần còn dùng vũ lực với chị. Thời gian đầu con còn nhỏ chị cố gắng nhẫn nhịn bỏ qua. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc giành thời gian cho nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Lô Đức T được nữa, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có một người con chung là Lô Minh T, sinh năm 2004, hiện nay đã trưởng thành, cháu không bị mất năng lực hành vi dân sự, là người phát triển bình thường, có khả năng tự lao động và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Hoàng Thị H cùng đóng góp xây dựng và mua được một số tài sản chung như sau:

Thửa đất số: 343, tờ bản đồ số 23, diện tích 176,6m^2, đất ở tại nông thôn, địa chỉ: Thôn N, xã X (nay là Thôn H, xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc thửa đất này năm 2003 (không nhớ tháng) chị mua của vợ chồng ông Đoàn Văn B (chết năm 2008), vợ là Hoàng Thị C với giá 3.400.000 đồng, số tiền này chị mượn của anh trai chị là Hoàng Văn H, khi mượn tiền hai bên không lập giấy tờ vay mượn gì, sau này chị cũng tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ mua đất này cho anh Hoàng Văn H, anh Lô Đức T có biết việc này. Chị là người trực tiếp giao dịch mua đất với ông Đoàn Văn B, do thời gian này chị đang đi học nên việc làm thủ tục, giấy tờ mua bán đất chị đã nhờ anh Hoàng Văn H cùng ông Đoàn Văn B lập giấy tờ mua bán đất với nhau, anh Hoàng Văn H là người trực tiếp trả tiền mặt cho ông Đoàn Văn B, bà Hoàng Thị C cũng biết việc mua bán đất này, giấy tờ mua bán đất không có chữ ký của chị và hiện nay giấy tờ đã bị thất lạc, chị không thể cung cấp được cho Toà án. Đất này chị đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: BN117180, vào sổ CGCN số: CH01155, ngày 12/11/2013 mang tên bà Hoàng Thị H. Đối với thửa đất này bà Nguyễn Thị T, anh Lô Đức T cho rằng tiền mua đất là tiền bán đất ruộng, vườn, rừng ở quê để mang lên mua thửa đất này là không đúng vì giấy tờ mua bán đứng tên chị, anh Hoàng Văn H đã cho chị mượn số tiền mua đất và sau này làm được chị cũng tự tay chị trả cho anh Hoàng Văn H. Chị xác định thửa đất này chị có công sức nhiều hơn nhưng chị không tính toán, đến nay chị vẫn công nhận thửa đất này là tài sản chung do vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đều có công sức nên chị yêu cầu chia đôi giá trị thửa đất số 343. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ (bếp nhà vệ sinh), nhà được xây từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 10 năm 2010 vợ chồng chị mới chuyển về thửa đất này sinh sống, tiền xây nhà là do chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T cùng đóng góp và vay mượn xây hết tổng số tiền xây dựng là 85.000.000 đồng, trong đó có tiền chị vay Ngân hàng và số tiền bà Nguyễn Thị T đóng góp 20.000.000 đồng từ việc bán lợn, gà của gia đình (nhưng mua con giống, cám bã các loại đều do chị bỏ tiền ra mua), bà

Nguyễn Thị T chỉ việc chăn nuôi. Cuối năm 2021 chị vay tiền Ngân hàng cơi nới xây dựng thêm 02 phòng ngủ và lợp mái tôn, lát nền sân gạch. Nay chị yêu cầu chia giá trị nhà cấp 4, bếp và công trình phụ chia thành 03 phần (chị một phần, anh Lô Đức T một phần và bà Nguyễn Thị T một phần). Thửa đất 349.2, diện tích 11,4m^2 diện tích đất này hiện đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình bà Đặng Thị L và ông Vi Văn T, diện tích đất này năm 2009 gia đình chị đã xây dựng bức tường và lợp mái tôn trên đất (do UBND huyện cấp GCNQSDĐ sau thời điểm chị xây dựng nhà), do vậy diện tích đất này chị vẫn yêu cầu được quản lý sử dụng theo hiện trạng và chị nhất trí để lại cho anh Lô Đức T quản lý sử dụng chị không yêu cầu chia. Thửa đất 344 (thửa tạm 344.2), diện tích 1,0m^2 đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vi Văn H và chị Hoàng Thị T, tài sản trên đất: Không có. Diện tích đất này chị rút không yêu cầu quản lý sử dụng.

Đối với thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, diện tích 207,8m^2, địa chỉ: Thôn K, xã X (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nguồn gốc đất do chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T mua năm 2018 với ông Vi Văn D, vợ là Hoàng Thị C1 với giá 460.000.000 đồng có lập giấy tờ viết tay ngày 15/4/2018. Tiền mua thửa đất này là năm 2018 anh, chị đã bán đất rừng và cây thông tại xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho ông Hoàng Văn D và ông Vi Văn T1 với giá là 190.000.000 đồng, do trước đây anh Lô Đức T đã vay của ông Hoàng Văn D số tiền là 15.000.000 đồng để làm ăn nên đã trừ đi số tiền nợ đó, số còn lại là 175.000.000 đồng, số tiền còn thiếu khi mua đất là 285.000.000 đồng vợ chồng chị đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn để bù mua đất thửa đất trên. Thửa đất này đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số: CV644487, vào sổ CGCN số: CH00020, ngày 01/6/2020 mang hộ bà Hoàng Thị H. Thửa đất 353 (thửa tạm 353.1), diện tích 2,0m^2, tờ bản đồ số 23 là đất giao thông, tài sản trên đất không có, chị rút không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh chị còn mua được 11 thửa ruộng và 01 cái ao tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn T nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên. Thửa đất này anh chị đã thuê máy xúc dồn thành 01 thửa lớn để trồng mận cơm và 01 ao (đơn khởi kiện chị yêu cầu chia là 01 thửa đất ruộng và 01 ao). Ngày 12/4/2023 chị rút yêu cầu giải quyết đối với thửa đất này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T có nợ các khoản sau:

Vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B, theo Hợp đồng tín dụng số 8045-LAV-201901626, ngày 31/7/2019, số tiền: 100.000.000 đồng do anh Lô Đức T đứng tên vay, thời hạn vay: 05 năm (60 tháng). Ngày trả nợ cuối cùng 31/07/2024, lãi suất theo quy định của Ngân hàng, mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, anh chị đã trả được số nợ gốc 70.000.000 đồng, nay còn nợ gốc 30.000.000 đồng. Khoản nợ này anh chị

đã giao 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Agribank chi nhánh huyện B giữ hộ để bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01687, do Ủy ban nhân dân huyện B (viết tắt là UBND huyện) cấp ngày 08/10/2013. GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01688, do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013. GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01689, do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013. GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01690, do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013 (GCNQSDĐ nêu trên đều mang tên hộ ông Lô Đức T, bà Hoàng Thị H).

Vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B theo Hợp đồng tín dụng số 8405LAV202102780 ngày 16/11/2021 chị Hoàng Thị H đứng tên vay số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), lãi suất theo quy định, ngày trả nợ cuối cùng 16/11/2031, mục đích vay sửa chữa nhà ở. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 159/2021/HĐTC ngày 11/11/2021, thế chấp đối với thửa đất số: 597; tờ bản đồ số: 23, diện tích: 207,8 m^2, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH 00020, do UBND huyện B cấp ngày 01/06/2020 mang tên hộ bà Hoàng Thị H, anh chị đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ gốc là: 630.000.000 đồng, anh Lô Đức T cho rằng khoản vay này chị tự vay riêng là không đúng, bởi tại Hợp đồng ủy quyền có tên anh Lô Đức T, bà Nguyễn Thị T đều ký, tiền lãi phát sinh hàng tháng đến nay đều do chị tự trả cho Ngân hàng.

Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B: Ngày 07/6/2019 vay 20.000.000 đồng, mục đích vay là sửa chữa bể nước và xây nhà vệ sinh của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất theo quy định, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2024. Ngày 19/10/2021 vay 50.000.000 đồng để trồng rừng thông theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn vay 120 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/4/2031, tổng số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 70.000.000 đồng.

Vay Quỹ hỗ trợ nông dân huyện B ngày 02/7/2021 số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay vốn thực hiện dự án chăn nuôi trâu sinh sản, thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả vốn 01 lần đến khi dự án kết thúc là ngày 02/7/2024 là trả nợ gốc 40.000.000 đồng. Giấy vay đứng tên anh Lô Đức T nhưng chị cũng chịu trách nhiệm trả nợ chung.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H có ý kiến: Khi ly hôn nếu chị được quản lý sử dụng thửa đất số 597, chị sẽ bù chênh lệch giá trị tài sản cho anh Lô Đức T và về các khoản nợ chị tự nguyện chịu trách nhiệm trả khoản vay 630.000.000 đồng và anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản trên thửa đất 343 thì anh Lô Đức T trả khoản vay Ngân hàng chính sách số tiền 70.000.000 đồng. Ngân hàng nông nghiệp huyện B số tiền 30.000.000 đồng và quỹ hỗ trợ nông dân huyện B số tiền 40.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn: Anh Lô Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn như chị Hoàng Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã và việc anh chị có tên trong sổ đăng ký kết hôn của xã T là do mẹ anh bà Nguyễn Thị T ở nhà tự làm thủ tục kê khai với cán bộ tư pháp nên mới có tên, hiện nay anh chị không có Giấy đăng ký kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2021 do anh làm ăn thua lỗ số tiền 43.000.000 đồng, vợ chồng nói nhau và xảy ra xích mích lời qua tiếng lại, nhưng mâu thuẫn chưa phải trầm trọng. Tháng 10 năm 2021 chị Hoàng Thị H chuyển về thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thời gian đầu anh có liên lạc gọi điện thoại, nhắn tin bảo chị quay về chung sống cùng anh, lo công việc gia đình và con cái, nhưng chị Hoàng Thị H không về, sau đó anh có nhờ bạn bè của anh đến gặp chị cùng nói chuyện hoà giải, khuyên chị về đoàn tụ gia đình nhưng chị Hoàng Thị H không nói gì và bỏ đi, thỉnh thoảng chị Hoàng Thị H vẫn gửi quà, đồ ăn, thức uống cho gia đình (cho mẹ chồng). Năm 2015, bà Nguyễn Thị T lên ở cùng vợ chồng anh, chị Hoàng Thị H và mẹ anh sống hoà thuận không có điều tiếng gì xảy ra. Tháng 10/2021 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Hoàng Thị H, không có mâu thuẫn gì, nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Hoàng Thị H cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có một người con chung là Lô Minh T, hiện nay cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Thửa đất số: 343, tờ bản đồ số 23 là do anh và chị Hoàng Thị H mua với ông B (không biết họ), mua khoảng năm 2003. Tiền mua thửa đất này là do anh đã bán đất ở, nhà trình tường cũ và ruộng vườn, rừng tại ở thôn K, xã V cũ, huyện B là tài sản của bố mẹ đẻ chia cho riêng anh, anh không đồng ý chia cho chị Hoàng Thị H được hưởng ½ giá trị đất. Đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên chị Hoàng Thị H. Tài sản trên đất: Anh chị đã xây một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất và năm 2021 có sửa thêm. Giá trị tài sản trên đất là 136.198.900 đồng. Đối với đất và tài sản trên đất anh không nhất trí ý kiến của chị Hoàng Thị H là chia đôi giá trị thửa đất mà nguồn tiền mua đất là do anh đã bán đất, nhà của bố mẹ anh ở quê lên để mua thửa đất này, tài sản trên đất chị Hoàng Thị H yêu cầu chia ba anh cũng không đồng ý mà nhà, đất này anh có ý kiến để lại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị T được toàn quyền quản lý sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất này. Về thửa đất 334 (thửa tạm 334.1), diện tích 1,0$m^{2,}$ tài sản trên đất: Không có và thửa đất 353 (thửa tạm 353.1) diện tích 2,0m^2, chị Hoàng Thị H rút không yêu cầu xem xét giải quyết anh hoàn toàn nhất trí. Thửa đất 349 (thửa tạm 349.2), diện tích 11,4m^2, tài sản trên đất hiện đang tồn tại 01 phần tường của nhà cấp 4 và một phần mái lợp tôn của ngôi nhà mà anh chị đã xây dựng trước khi hộ gia đình ông Vi Văn T được cấp GCNQSDĐ, chị Hoàng Thị H yêu cầu được quản lý sử dụng theo hiện trạng

anh hoàn toàn nhất trí và chị Hoàng Thị H không yêu cầu chia diện tích đất này anh đồng ý.

Thửa đất số: 597, tờ bản đồ số 23, diện tích 207,8m^2, anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H mua năm 2018 với ông Vi Văn D, vợ là Hoàng Thị C1 với giá 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) có lập giấy tờ viết tay ngày 15/4/2018, đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị H. Nguồn tiền mua là của vợ chồng và vay thêm Ngân hàng để mua. Anh Lô Đức T yêu cầu chia đôi giá trị đất 597, tờ bản đồ số 23. Tài sản trên đất: Có các cây ngô do mẹ anh là bà Nguyễn Thị T mới trồng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đất ruộng 11 thửa ruộng và 01 ao (đã dồn thành 01 thửa lớn và 01 ao) tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nhận chuyển nhượng với ông Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H đã rút không yêu cầu Toà án giải quyết, anh nhất trí.

Về nợ chung: Anh chị có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B do chị Hoàng Thị H đứng tên vay số tiền vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ gốc là: 630.000.000 đồng, món vay này anh được ký trong hợp đồng ủy quyền. Nợ phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 70.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng, chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và 50.000.000 đồng để trồng rừng thông theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn), tổng số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 70.000.000 đồng. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B số tiền 100.000.000 đồng anh Lô Đức T đứng tên vay, đã trả nợ gốc 70.000.000 đồng, nay còn nợ 30.000.000 đồng. Vay Quỹ hỗ trợ nông dân huyện B năm 2021 số tiền vay 40.000.000 đồng, giấy vay đứng tên anh. Đối với các khoản nợ chị Hoàng Thị H có ý kiến tự nguyện chịu trách nhiệm trả món vay 630.000.000 đồng vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, các khoản còn lại anh có trách nhiệm trả anh không nhất trí mà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Lô Minh T1 (chết năm 1989), sau khi ông Lô Minh T1 chết bà đã đốt hết các loại giấy tờ.

Khoảng tháng 02 năm 1978 bà và ông Lô Minh T1 chuyển về Thôn K, xã V cũ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và được bố mẹ ông Lô Minh T1 chia cho một số ruộng đất cho vợ chồng bà quản lý, canh tác, cụ thể:

Đất ở: Năm 1997 bà chia cho anh Lô Đức T quản lý, sử dụng đất ở và ngôi nhà trình tường này, chia bằng miệng, không lập giấy tờ gì, năm 2002 anh Lô Đức T xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị H, năm 2003 anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H tự quản lý, sử dụng ngôi nhà và đất này. Anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H đã kê khai đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa bà không biết. Đất và nhà trình tường này vợ chồng chị Hoàng Thị H đã bán được 35.000.000 đồng, bán ngày tháng năm nào bà không biết, tiền bán nhà, đất anh chị sử dụng vào việc gì bà không biết.

Đất ruộng: Khoảng năm 1997 bà đã chia khu ruộng thành ba phần cho các con tự quản lý, sử dụng, chia bằng miệng, không lập văn bản giấy tờ gì. Phần đất ruộng anh Lô Đức T được chia tại xứ đồng K, thôn K, xã V cũ, huyện B, diện tích khoảng 01 sào; ruộng tại P, thôn K, xã V cũ hơn 01 sào, ruộng tại B, thôn K, xã V cũ khoảng 0,5 sào. Sau này anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H tự quản lý, sử dụng, sau đó chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đã bán xứ đồng K và ruộng tại B, cho em trai là Lô Văn T và vợ là Đinh Thị N, bán bao nhiêu tiền, bán ngày tháng năm nào, số tiền bán đất ruộng này chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T sử dụng vào việc gì bà đều không biết vì bà không được tham gia vào việc mua bán đất.

Đất vườn: Khoảng năm 1996 bà chia cho anh Lô Đức T mảnh vườn này tự quản lý, sử dụng, sau này anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H đã bán mảnh vườn này cho em trai là Lô Văn T, bán thời gian nào bà không nhớ, bán được 2.000.000 đồng, tiền bán đất vườn này anh chị sử dụng vào việc gì bà không biết.

Hiện bà đã cao tuổi không có đất đai và nhà cửa để ở, do anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H đã bán hết đất đai ruộng, vườn, nhà cửa ở thôn K, xã V (cũ), huyện B để lên Thôn H, xã T mua đất đai và xây nhà ở, tài sản trên đất có một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ xây cuối năm 2009. Đến năm 2021 chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T cơi nới xây dựng thêm 02 phòng ngủ lợp mái tôn, lát nền sân gạch.

Bà không đóng góp được tiền mua thửa đất số 343, không chứng minh được số tiền đóng góp xây nhà cấp 4 và công trình phụ là bao nhiêu, tuy nhiên bà cũng có công sức đóng góp là lên sinh sống cùng vợ chồng anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H từ năm 2016 cho đến nay, bà có công sức đóng góp về việc tạo lập tài sản cho gia đình, cụ thể: Hàng năm bà chăn nuôi hai lứa lợn, một năm bán hai lứa lợn được khoảng 15.000.000 đồng và chăn nuôi thêm gà, vịt, trồng hoa màu, làm thêm ruộng vườn và trông con cho anh Lô Đức T, chị Hoàng Thị H đi làm, do vậy bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và sở hữu tài sản trên đất.

Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, đây là tài sản chung do chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T cùng mua với ông Vi Văn D. Thửa đất này do anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H tự thoả thuận giải quyết bà không có ý kiến và không yêu cầu gì. Tài sản trên đất: Tại thời điểm định giá tài sản có các cây ngô bà mới trồng bà không yêu cầu giải quyết, sau này ai được giao đất, bà sẽ không trồng màu nữa mà trả lại đất cho họ.

Thửa đất 349.2, diện tích 11,4m^2 trên thực tế anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H đang quản lý sử dụng, bà nhất trí ý kiến của anh chị là quản lý sử dụng theo hiện trạng. Thửa đất 353 (thửa tạm 353.1), diện tích 2,0m^2 là đất đường giao thông và thửa đất 334.2, diện tích 1,0m^2 chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T không yêu cầu giải quyết bà không có ý kiến gì. Đất ruộng dồn thành 01 thửa lớn và 01 ao, nhận chuyển nhượng với ông Hoàng Văn T do anh chị tự thoả thuận giải quyết, bà không có ý kiến gì. Về nợ chung: Hiện anh Lô Đức T và chị

Hoàng Thị H còn nợ ai, nợ chung, nợ riêng như thế nào, nợ bao nhiêu tiền bà không biết. Về việc trả các khoản nợ này do chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T tự thoả thuận giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, người đại diện theo uỷ quyền ông Đường Việt N trình bày: Ông Lô Đức T và bà Hoàng Thị H đã hợp đồng vay vốn Ngân hàng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 8405LAV202102780 ngày 16/11/2021, số tiền vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Thời hạn vay 10 năm (120 tháng). Ngày trả nợ cuối cùng 16/11/2031. Lãi suất cho vay theo quy định. Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở. Tổng nợ gốc đến thời điểm hiện tại là 630.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 159/2021/HĐTC ngày 11/11/2021, thửa đất số 597; tờ bản đồ số 23, diện tích: 207,8 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CV 644487; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00020. Do UBND huyện B cấp ngày 01/06/2020 cấp cho hộ bà Hoàng Thị H. Hợp đồng tín dụng số: 8405LAV201901626 ngày 31/07/2019; số tiền cho vay tối đa: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); số tiền nhận nợ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất theo quy định, mục đích vay: Sửa chữa nhà ở; đến nay còn nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định. Ông Lô Đức T, bà Hoàng Thị H có giao 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Agribank chi nhánh huyện B giữ hộ để bảo đảm cho khoản vay này. Chị Hoàng Thị H chịu trách nhiệm trả khoản vay còn lại 630.000.000 đồng. Anh Lô Đức T chịu trách nhiệm trả khoản vay còn lại 30.000.000 đồng. Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Việt Q, Phó giám đốc vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 07/6/2019 hộ gia đình bà Hoàng Thị H được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B duyệt cho vay 20.000.000 đồng để sửa chữa bể nước và xây nhà vệ sinh của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2024. Ngày 19/10/2021 hộ gia đình bà Hoàng Thị H tiếp tục được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B duyệt cho vay 50.000.000 đồng để trồng rừng Thông theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn vay 120 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/4/2031. Tổng số tiền hộ gia đình bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B là 70.000.000 đồng. Để đảm bảo khả năng trả gốc lãi cho Nhà nước, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B đề nghị Toà án nhân dân huyện Lộc Bình yêu cầu chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T làm rõ trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo quy định đối với khoản nợ chung đối với Ngân hàng, trường hợp chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T có thoả thuận về người chịu trách nhiệm trả nợ thì Ngân hàng đồng ý theo sự thoả thuận đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội nông dân huyện B, người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Bá T, Phó chủ tịch Hội nông dân trình bày: Ngày 02/7/2021 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Quỹ hỗ trợ nông dân huyện B tổ chức giải ngân cho các hộ dân trong xã T vay vốn thực hiện dự án chăn nuôi trâu sinh sản thời hạn vay 36 tháng. Trong đó có hộ gia đình ông Lô Đức T và bà Hoàng Thị H vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Dự án kết thúc ngày 02/7/2024 gia đình ông Lô Đức T và bà Hoàng Thị H phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình làm rõ việc yêu cầu của ông bà khi giải quyết ly hôn và phân chia tài sản tại Toà án, ai là người chịu trách nhiệm trả nợ số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) cho Quỹ hỗ trợ nông dân huyện B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn T và bà Đặng Thị L trình bày: Gia đình ông, bà có đất liền kề tiếp giáp với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23, của gia đình Hoàng Thị H và anh Lô Đức T. Theo kết quả đo đạc tại Mảnh trích đo ngày 20/6/2023 của Công ty TNHH Tư vấn Đ đã đo đạc từ điểm A5-A7 diện tích: 11,4m^2 tại thửa đất số: 349.2 (thửa tạm) là đất của gia đình ông, thửa đất gia đình ông bà đã được Uỷ ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/3/2014 cho hộ gia đình bà Đặng Thị L, ông Vi Văn T, nhưng năm 2009 anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H đã xây dựng nhà cấp 4 trên phần diện tích đất này, nay ông bà đồng ý cho chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T quản lý, sử dụng diện tích 11,4m^2 đất theo hiện trạng hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn C và chị Vi Đặng Hồng H trình bày: Anh, chị là con của ông Vi Văn T và Đặng Thị L: Ông Vi Văn T và bà Đặng Thị L trình bày là đúng, anh, chị đồng ý với ý kiến của bố, mẹ không có ý kiến gì bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn H và chị Hoàng Thị T trình bày: Gia đình anh, chị có đất tiếp giáp với của anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H, tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số: 23. Theo kết quả đo đạc tại mảnh trích đo ngày 20/6/2023 của Công ty TNHH Tư vấn Đ đo đạc thì có một phần thửa đất số 344 (thửa tạm 343.2) diện tích là 1,0m^2, gia đình anh chị đã được Uỷ ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh Vi Văn H và chị Hoàng Thị T, phần diện tích đất này hiện nay chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đang quản lý sử dụng, nay anh chị đồng ý cho anh chị quản lý, sử dụng diện tích 1,0 m^2 đất theo hiện trạng.

Người làm chứng ông Hoàng Văn H trình bày: Ông là anh trai ruột của Hoàng Thị H, Khoảng năm 2003 (đã lâu ông không nhớ ngày, tháng) ông có quen biết ông Đoàn Văn B (đã chết) có đất bán tại Thôn N, (xã X cũ), huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nhưng do Hoàng Thị H là em gái của ông cũng có nhu cầu mua đất để làm nhà ở tại thôn đó, nên ông giới thiệu cho Hoàng Thị H mua đất với ông Đoàn Văn B. Chính là thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23, nay trên đất đã xây dựng nhà cấp 4 và công trình phụ hiện nay gia đình chị Hoàng Thị H đang ở. Năm 2003 Hoàng Thị H mua đất với Đoàn Văn B với số tiền là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng do Hoàng Thị H không có tiền trả cho ông

Đoàn Văn B nên Hoàng Thị H có hỏi mượn ông số tiền này để trả tiền mua đất cho Đoàn Văn B. Ông đã cho Hoàng Thị H mượn nhưng không lập văn bản gì. Sau đó ông có làm thủ tục giấy tờ mua bán đất với Đoàn Văn B thay cho Hoàng Thị H, vì do thời gian này Hoàng Thị H đang đi học lớp địa chính, khi lập xong giấy mua bán đất ông đã giao giấy tờ mua bán đất cho Hoàng Thị H và anh Lô Đức T. Sau đó Hoàng Thị H đã trả tiền cho ông từ năm 2004 đến hết năm 2007 mới trả xong. Ông cũng không hỏi số tiền Hoàng Thị H trả ông là tiền riêng của Hoàng Thị H hay có khoản tiền đóng góp nào của anh Lô Đức T hay không.

Người làm chứng bà Hoàng Thị C trình bày: Bà là vợ ông Đoàn Văn B (đã chết năm 2007) ông Đoàn Văn B là bạn của ông Hoàng Văn H anh trai Hoàng Thị H, giữa bà và Hoàng Thị H, Lô Đức T không có quan hệ họ hàng và không có mâu thuẫn gì. Năm 2003 vợ chồng bà được bán thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23 cho chị Hoàng Thị H, việc trao đổi mua bán đất bà cũng được tham gia bàn bạc thoả thuận cùng ông Đoàn Văn B, chị Hoàng Thị H, bà không nhìn thấy khi đó có mặt anh Lô Đức T hay không, bán đất được bao nhiêu tiền bà không nhớ (vì thời gian đã lâu) Giấy tờ mua bán do ông Đoàn Văn B lập và ký, bà không được ký tên trong giấy tờ này, chồng bà trực tiếp nhận tiền bán đất và cầm tiền, bà không biết gì về số tiền bán đất này, còn khoản tiền chị Hoàng Thị H trả tiền mua đất là tiền của ai bà không biết, việc mua bán thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23 này không có sự tham gia của bà Nguyễn Thị T.

Người làm chứng anh Lô Văn T1 trình bày: Năm 2021 anh được mua đất với anh Lô Đức T gồm: Một mảnh vườn tại S, Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 01 sào và 01 thửa ruộng cạn diện tích khoảng 01 sào, có lập văn bản viết tay ngày 26/11/2021, số tiền mua cả đất vườn và đất ruộng cạn là 14.500.000 đồng, anh đã trả tiền mặt cho anh Lô Đức T là người nhận tiền, khi mua đất này với anh Lô Đức T chị Hoàng Thị H không có mặt ký giấy tờ, nhưng trước khi mua đất với anh Lô Đức T, anh đã gọi điện thoại trao đổi cùng Hoàng Thị H được sự đồng ý của chị thì anh mới mua đất với anh Lô Đức T, anh cam đoan khai báo trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Người làm chứng anh Lô Văn T và chị Đinh Thị N trình bày: Năm 2014 vợ chồng anh được mua đất ruộng và đất ao với chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T gồm: 01 đám ruộng tại B, thôn K, xã V (cũ), huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích ruộng 02 sào, diện tích ao 01 sào, số tiền là: 30.000.000 đồng, có lập giấy tờ viết tay ngày 13/10/2014, số tiền trả mua ruộng và ao là số tiền anh Lô Văn T và chị Đinh Thị N làm thuê phát rừng trồng thông tại xã H cho chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T được trừ vào số tiền mua ruộng là 21.000.000 đồng, số tiền còn lại 9.000.000 đồng anh Lô Văn T và chị Đinh Thị N trả bằng tiền mặt cho chị Hoàng Thị H là người trực tiếp nhận tiền. Năm 2015 anh chị tiếp tục mua đất với anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H xứ đồng Nà H, địa chỉ: Thôn K, xã V (cũ) nay là Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 1,5 sào, số tiền là 40.000.000 đồng, lập giấy tờ viết tay ngày 23/12/2015, có các thành phần ký tên là anh Lô Đức T, chú Lô Xuân N, Lô Văn T, khi lập giấy tờ mua bán ruộng

chị Hoàng Thị H không có mặt, nhưng khi trả tiền chị Hoàng Thị H và có mặt anh Lô Đức T cùng nhận tiền, anh chị cam đoan lời khai của mình là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Người làm chứng anh Lô Văn N và chị Vi Thị H trình bày: Năm 2014 anh chị được mua đất với chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T gồm: Đất ở trên đất có nhà trình tường, công trình phụ và cây ăn quả quanh nhà tại thôn K, xã V (cũ) nay là Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, khi mua, bán đất hai bên không đo đạc diện tích, giấy tờ mua bán viết tay lập ngày 02/10/2014, mua với số tiền là 35.000.000 đồng, anh chị trả bằng tiền mặt, chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T cùng nhận tiền, anh chị cam đoan khai báo trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Kết quả trích đo, thẩm định, định giá tài sản như sau:

Đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn gồm có 03 thửa: Thửa đất 343 (thửa tạm 343.1) diện tích 176,6m^2, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, bếp và công trình phụ. Thửa đất 344 (thửa tạm 344.2), diện tích 1,0m^2 (thuộc đất của ông Vi Văn H), tài sản trên đất: Không có. Thửa đất 349 (thửa tạm 349.2), diện tích 11,4m^2, tài sản trên đất: Có một phần bức tường nhà cấp 4 được lợp tôn. Về giá đất tại thửa 343 có giá 2.000.000 đồng/m^2. Giá trị tài sản trên đất gồm nhà chính, nhà bếp 136.198.900 đồng.

Đất tại thôn Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, gồm có 02 thửa: Thửa đất 597, diện tích 207,8m^2. Tài sản trên đất: Có các cây ngô do bà Nguyễn Thị T mới trồng. Thửa đất 353 (thửa tạm 353.1), diện tích 2,0m^2. Tài sản trên đất: Không có. Về giá đất tại thửa 597 có giá 3.000.000 đồng/m^2. Tài sản là các cây ngô mới trồng các đương sự không yêu cầu định giá.

Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng (chi thẩm định, định giá tài sản) hết 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng) do chị Hoàng Thị H đã nộp tạm ứng trước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, trình tự thụ lý và thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chưa chấp hành đúng đầy đủ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn

biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 27, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 212, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Do anh chị không có đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T.

Về tài sản chung:

Giao cho chị Hoàng Thị H được quản lý, sử dụng diện tích 207,8m^2 đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Giao cho anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng diện tích 176,6m^2 đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1), tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh Lô Đức T được sở hữu tài sản trên thửa đất 343.1 và 349.2 gồm nhà cấp 4, bếp và công trình phụ.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T, ông Vi Văn T, bà Đặng Thị L, anh Đặng Văn C, chị Vi Đặng Hồng H. Anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng diện tích 11,4m^2 đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích 176,6m^2 đất, thuộc thửa đất 343 (thửa tạm 343.1) và yêu cầu được sở hữu tài sản trên thửa đất 343.1.

Về giải quyết bù trừ nghĩa vụ: Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Lô Đức T số tiền là 89.700.400 đồng (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn bốn trăm đồng). Anh Lô Đức T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 45.399.600 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H, cụ thể như sau: Đối với diện tích 1,0m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 344 (thửa tạm 344.2), tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B tỉnh Lạng Sơn, tài sản trên đất: Không có. Diện tích 2,0m^2 đất (là đất giao thông) thuộc một phần thửa đất số 353 (thửa tạm 353.1), tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B tỉnh Lạng Sơn, tài sản trên đất: Không có. 01 thửa ruộng và 01 ao tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Về giải quyết nợ chung:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền nợ gốc

630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8405-LAV-202102780, ngày 16/11/2021. Trường hợp khi đến hạn trả nợ, bà Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp với Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp số 159/2021/HĐTC ngày 11/11/2021.

Bị đơn anh Lô Đức T có nghĩa vụ: Trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8405-LAV-201901626, ngày 31/7/2019 (đối với 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã gửi bảo đảm tại Ngân hàng, do các đương sự chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B không ai có yêu cầu xem xét giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết). Trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tổng số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Sổ vay vốn, mã khách hàng số 130190 ngày 07/6/2019 và Sổ vay vốn, mã khách hàng số 2200016131, ngày 19/10/2021. Trả nợ cho Hội nông dân huyện B số tiền nợ gốc là 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Biên bản giải ngân ngày 02/7/2021. Về chi phí tố tụng và án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị H xin ly hôn với anh Lô Đức T, yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và quan hệ pháp luật phải giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn". Bị đơn anh Lô Đức T cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hồ sơ thể hiện họ đã có bản khai, lời khai tại Tòa án, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về kết quả trích đo, thẩm định, định giá tài sản đề ngày 05/5/2023 các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến thắc mắc gì. Như vậy, kết quả được thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản, sơ họa khu đất tranh chấp ngày 05/5/2023 và Trích đo khu đất tranh chấp của Công ty TNHH Tư vấn Đ được thực hiện là hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: Diện tích đất tranh chấp tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn gồm có 03 thửa: Thửa đất 343 (thửa tạm 343.1), diện tích 176,6m^2, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, bếp và công trình phụ. Thửa đất 344 (thửa tạm 344.2), diện tích 1,0m^2, tài sản trên đất: Không có. Thửa đất 349 (thửa tạm 349.2), diện tích

11,4m^2, tài sản trên đất: Có một phần bức tường nhà cấp 4 lợp tôn đi liền với thửa 343.1). Về giá đất tại thửa 343 có giá 2.000.000 đồng/m^2. Giá trị tài sản trên đất gồm nhà chính, nhà bếp là 136.198.900 đồng. Diện tích đất tranh chấp tại Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, gồm có 02 thửa: Thửa đất 597, diện tích 207,8m^2, tài sản trên đất: Có các cây ngô do bà Nguyễn Thị T mới trồng (các đương sự không yêu cầu định giá cây ngô mà thỏa thuận khi Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì bà Nguyễn Thị T sẽ không trồng màu nữa và đồng ý trả lại đất cho họ). Thửa đất 353 (thửa tạm 353.1), diện tích 2,0m^2, tài sản trên đất: Không có. Về giá đất tại thửa đất 597 có giá 3.000.000 đồng/m^2. Về chi phí tố tụng: Chi thẩm định, định giá, đo đạc hết 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng diện tích đất đo đạc được là 398,8m^2.

[4] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị H, thấy: Chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T tự nguyện kết hôn, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng cả hai không đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền, quá trình chung sống có mâu thuẫn nên chị Hoàng Thị H làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ việc. Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đều quy định "*việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện"*. Do chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T chưa được xác lập. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là nơi thường trú của anh chị cung cấp thông tin: "Hiện không có hồ sơ lưu đối với việc đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T, nhưng trong sổ đăng ký kết hôn có ghi: Chị Hoàng Thị H, anh Lô Văn T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 05/10/2002, số 83, quyển số 01/2002 (đăng ký theo nghị định 77/2021). Tuy nhiên, theo lời khai của chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T đều khẳng định anh chị không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi giải quyết ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T có 01 người con chung là Lô Minh T, sinh 2004 hiện nay cháu đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, là người phát triển bình thường, có khả năng tự lao động và tự nuôi sống bản thân, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với diện tích tại thửa đất 344, tờ bản đồ số 23 (thửa tạm 344.2), diện tích 1,0m^2 (thuộc đất của ông Vi Văn H), tài sản trên đất: Không có; thửa đất 353 (thửa tạm 353.1), diện tích 2,0m^2, tài sản trên đất: Không có (là đất giao thông); 01 thửa ruộng và 01 ao tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H đã rút không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các thửa đất trên, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích đất này theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với diện tích đất tại thửa 349, tờ bản đồ số 23, tại Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (thửa tạm 349.2), diện tích 11,4m^2, tài sản trên đất có 01 phần diện tích bức tường nhà cấp 4 và một phần lợp mái tôn (thuộc đất của bà Đặng Thị L và ông Vi Văn T) đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ mang tên hộ bà Đặng Thị L và ông Vi Văn T (về tài sản trên đất thì năm 2009 gia đình chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đã xây dựng nhà cấp 4 trong đó có một phần bức tường và lợp một phần mái tôn trên thửa đất này, xây trước khi hộ ông Vi Văn T được cấp GCNQSDĐ), tại bản khai ông Vi Văn T, bà Đặng Thị L và các thành viên trong gia đình đều nhất trí cho Hoàng Thị H và anh Lô Đức T quản lý, sử dụng diện tích đất tại thửa 349.2 theo hiện trạng, họ không có tranh chấp. Phần diện tích đất này chị Hoàng Thị H không yêu cầu quản lý sử dụng nhất trí để lại cho anh Lô Đức T quản lý sử dụng. Do các đương sự đều đã thỏa thuận được với nhau về thửa đất này nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giao cho anh Lô Đức T quản lý sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Hộ ông Vi Văn T, bà Đặng Thị L cùng anh Lô Văn T có trách nhiệm đăng ký, chỉnh lý biến động về diện tích thửa đất theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung:

[9] Đối với thửa đất số 343, tờ bản đồ số 23, tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đất ở tại nông thôn và tài sản trên đất. Chị Hoàng Thị H yêu cầu chia 1/2 giá trị thửa đất, chia 1/3 giá trị tài sản trên đất. Anh Lô Văn T không nhất trí ý kiến của chị Hoàng Thị H mà đề nghị Tòa án xem xét giao đất, tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ đất, tài sản trên đất. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá như sau:

[9.1] Thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1), tờ bản đồ số 23, diện tích thực tế đo được là 176,6m2. Đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: BN117180, vào sổ CGCN số: CH01155, ngày 12/11/2013 mang tên bà Hoàng Thị H, diện tích 188,5m^2.

[9.2] Về nguồn gốc quá trình quản lý sử dụng thửa đất số 343: Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn H đã khai chị Hoàng Thị H có vay nợ ông số tiền 3.400.000 đồng để trả tiền mua thửa đất số 343 này. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Hoàng Thị C (người bán đất) đã khai: Năm 2003 vợ chồng bà có giao dịch bán đất cho chị Hoàng Thị H (anh Lô Đức T khi đó có tham gia mua bán đất cùng hay không bà không nắm được) và vợ chồng bà không giao dịch mua bán đất với bà Nguyễn Thị T. Qua thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện tại các lời khai của những người làm chứng và văn bản mua bán đất phát sinh thời điểm giao dịch đều chứng minh thời gian chị Hoàng Thị H mua thửa đất 343 (năm 2003) không trùng với thời gian chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đã bán đất nhà ở, ruộng vườn tại nhà cũ cụ thể: Văn bản mua bán đất ở và nhà cũ tại thôn K, xã V (cũ) giữa chị Hoàng Thị H và anh Lô Văn

N lập ngày 02/10/2014 (âm lịch); tại văn bản mua bán đất ruộng, đất ao giữa anh Lô Đức T và anh Lô Văn T lập các ngày 13/10/2014, ngày 23/12/2015; tại văn bản mua bán đất ruộng, đất ao giữa anh Lô Đức T và anh Lô Văn T1 lập ngày 26/11/2021. Tại phiên tòa anh Lô Đức T thừa nhận thửa đất ở này được mua từ thời điểm năm 2003, anh thừa nhận tại thời điểm mua đất đều do chị Hoàng Thị H đứng ra giao dịch, thỏa thuận mua bán đất anh không tham gia, tiền mua đất chị Hoàng Thị H nợ ai anh không biết, chị Hoàng Thị H trả nợ thế nào, trả trong bao lâu anh cũng không biết, nhưng anh thừa nhận nguồn tiền mua đất này là tiền chung của vợ chồng. Như vậy có căn cứ xác định đây là tài sản chung được tạo lập tại thời điểm hai người chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó chị Hoàng Thị H chia đôi giá trị thửa đất số 343 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận (diện tích đo đạc thực tế của thửa đất số 343 là 176,6m^2) x 2.000.000 đồng/m^2 = 353.200.000 đồng : 2 = 176.600.000 đồng. Trong đó chị Hoàng Thị H được chia giá trị đất là 176.600.000 đồng, anh Lô Đức T được chia giá trị đất là 176.600.000 đồng.

[9.3] Về tài sản trên đất thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1) và thửa đất 349 (thửa tạm 349.2) là ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị đều thừa nhận tiền xây nhà và công trình phụ cả hai đều có công đóng góp xây dựng nhà vào cuối năm 2009, trong đó có khoản tiền chung của vợ chồng, tiền vay Ngân hàng và số tiền bà Nguyễn Thị T đóng góp 20.000.000 đồng từ việc chăn nuôi gia cầm. Cuối năm 2021 anh chị đã vay tiền Ngân hàng để cơi nới xây dựng thêm 02 phòng ngủ và lợp mái tôn, lát nền sân gạch. Giá trị tài sản trên đất gồm nhà chính, nhà bếp, công trình phụ là: 136.199.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T cho biết bà lên chung sống cùng anh chị từ tháng 6 năm 2016, chưa cắt hộ khẩu chuyển lên Thôn H, xã T nhưng bà đã ở từ đó đến nay, hàng năm bà có trông cháu cho vợ chồng anh chị, giúp vợ chồng anh chị chăn nuôi gà, lợn để hỗ trợ cho anh chị để xây dựng nhà cửa được như hiện nay. Xác định đây là tài sản chung của hộ gia đình do chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T tạo lập được trong thời kỳ chung sống và có một phần đóng góp công sức của bà Nguyễn Thị T. Do đó, chị Hoàng Thị H yêu cầu chia giá trị tài sản thành 03 phần (mỗi người được hưởng một phần giá trị tài sản) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng giá trị tài sản là 136.199.000 đồng (làm tròn số): 3 = 45.399.600 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T, bà Nguyễn Thị T mỗi người được chia giá trị tài sản là 45.399.600 đồng.

[9.4] Bị đơn anh Lô Đức T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T cho rằng tiền mua thửa đất 343 là tiền bán đất ruộng, vườn, rừng ở thôn K, xã V (cũ) để mua thửa đất này là không có căn cứ, ngoài lời khai đã trình bày thì anh Lô Đức T và bà Nguyễn Thị T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về nguồn tiền mua thửa đất số 343 là tiền bán toàn bộ đất ở, ruộng vườn, nhà ở cũ tại xã V để mua. Bị đơn anh Lô Đức T có ý kiến giao lại toàn bộ nhà, đất cho bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng và sở hữu là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 343 và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đối với yêu cầu của mình nên yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T nên không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9.5] Về đất, tài sản trên thửa đất số 343 được giải quyết như sau: Giao cho anh Lô Đức T được quyền quản lý sử dụng thửa đất 343 (thửa tạm 343.1), diện tích 176,6m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà cấp 4, bếp và công trình phụ trên thửa đất 343 (thửa tạm 343.1). Anh Lô Đức T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản nhà, đất cho chị Hoàng Thị H số tiền (176.600.000 đồng + 45.399.600 đồng) = 221.999.600 đồng; anh Lô Đức T có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị T được chia là: 45.399.600 đồng bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

[10] Đối với thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị H, diện tích 207,8m^2. Chị Hoàng Thị H yêu cầu được chia ½ giá trị thửa đất, anh Lô Đức T yêu cầu được chia đôi thửa đất mỗi người một nửa. Hội đồng xét xử nhận xét, đánh giá như sau:

[10.1] Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đều thừa nhận nguồn gốc tiền mua thửa đất số 597 này là một phần tiền bán đất rừng và cây thông ở xã H, huyện B, sau khi trừ đi các khoản phát sinh khác số tiền dùng để mua thửa đất này là 175.000.000 đồng, số còn lại vợ chồng anh chị đã vay Ngân hàng Nông nghiệp là 285.000.000 đồng để mua thửa đất trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T cũng thừa nhận thửa đất này là tài sản của chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T tự tạo lập trong thời kỳ chung sống. Do vậy, có đủ cơ sở xác định đây là tài sản chung của anh chị tạo lập được trong thời kỳ chung sống. Tuy nhiên diện tích đất mặt tiền chỉ có 5 mét nên không thể chia đôi thửa đất theo ý kiến của anh Lô Đức T được, đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị H yêu cầu chia đôi giá trị đất là có căn cứ chấp nhận. Diện tích đất là 207,8m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 623.400.000 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng): 2 = 311.700.000 đồng/người. Chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T mỗi người được chia giá trị đất là 311.700.000 đồng.

[10.2] Tài sản trên thửa đất số 597 có các cây ngô do bà Nguyễn Thị T mới trồng, bà Nguyễn Thị T cho biết nếu diện tích thửa đất này được giao cho anh hay chị được quyền quản lý sử dụng thì bà sẽ không trồng màu nữa, sẽ trả lại đất cho họ. Nguyên đơn chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản trên đất. Do các đương sự trong vụ án không có tranh chấp về tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10.3] Về đất, tài sản trên thửa đất số 597 được giải quyết như sau: Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền quản lý sử dụng thửa đất 597, diện tích

207,8m^2, tài sản trên đất: Không có. Chị Hoàng Thị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị đất cho anh Lô Đức T số tiền là 311.700.000 đồng.

[11] Giải quyết bù trừ nghĩa vụ đối với thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1) và thửa đất số 597 (tờ bản đồ số 23), cụ thể như sau: Anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng thửa đất số 343 (thửa tạm 343.1), diện tích 176,6m^2 sở hữu tài sản trên đất gồm nhà cấp 4, bếp và công trình phụ với tổng giá trị là: (353.200.000 đồng + 136.199.000 đồng) = 489.399.000 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), anh Lô Đức T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị Hoàng Thị H là 221.999.600 đồng (hai trăm hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng) và thanh toán cho bà Nguyễn Thị T giá trị tài sản được chia là 45.399.600 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Chị Hoàng Thị H được quản lý, sử dụng thửa đất số 597, diện tích 207,8m^2, tài sản trên đất không có. Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh Lô Đức T là 311.700.000 đồng trừ đi giá trị chị Hoàng Thị H được chia tại thửa 343 là 221.999.600 đồng thì chị Hoàng Thị H còn phải thanh toán cho anh Lô Đức T số tiền chênh lệch tài sản là 89.700.400 đồng (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn bốn trăm đồng). Trường hợp chị Hoàng Thị H chậm thanh toán còn phải chịu lãi suất theo quy định.

[12] Về giải quyết nợ chung:

[12.1] Đối với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B (viết tắt là Ngân hàng) số tiền: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, đã trả được một phần nợ gốc, hiện nay số nợ gốc còn là 630.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8405LAV202102780 ngày 16/11/2021. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 159/2021/HĐTC ngày 11/11/2021: Thửa đất số: 597; tờ bản đồ số: 23, địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, diện tích: 207,8 m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CV 644487; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00020. Do UBND huyện B cấp ngày 01/06/2020 cấp cho hộ bà Hoàng Thị H. Ngày 11/11/2021 ông Lô Đức T, bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Hợp đồng ủy quyền cho bà Hoàng Thị H thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn Ngân hàng (có chứng thực của UBND xã T), ngày 16/11/2021 bà Hoàng Thị H đã đứng tên trong Hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng. Tại phiên tòa anh Lô Đức T thừa nhận đây là khoản vay chung, mục đích vay về sửa chữa nhà ở và làm ăn, sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình và trang trải cuộc sống. Bà Nguyễn Thị T cho rằng các khoản nợ anh chị nợ ai, số tiền nợ, nợ như thế nào bà không biết và do anh chị tự thỏa thuận giải quyết. Từ những phân tích nêu trên có đủ căn cứ xác định đây là khoản vay chung của anh chị. Do đó chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi suất phát sinh cho Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, do Hợp đồng vay nợ chưa đến hạn trả nợ nên trường hợp khi giải quyết vụ án

nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về ai là người có nghĩa vụ trả nợ, nếu họ mà không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp với Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp số 159/2021/HĐTC.

[12.2] Đối với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền nhận nợ: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), hiện nay còn nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8405-LAV-201901626 ngày 31/7/2019 do anh Lô Đức T đứng tên vay, khoản vay này chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T đều thừa nhận là khoản vay chung. Do vậy anh chị phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo Hợp đồng là đúng quy định của pháp luật. Đối với 04 GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 135876. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01687. Do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 135877. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01688. Do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 135878. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01689. Do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 135879. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01690. Do UBND huyện B cấp ngày 08/10/2013) hiện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện đang giữ hộ để bảo đảm cho khoản vay này do các đương sự trong vụ án không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12.3] Đối với khoản vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B (viết tắt là Ngân hàng) gồm: Ngày 07/6/2019 hộ gia đình chị Hoàng Thị H vay 20.000.000 đồng mục đích vay sửa chữa bể nước và xây nhà vệ sinh của chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2024. Ngày 19/10/2021 hộ gia đình chị Hoàng Thị H tiếp tục vay 50.000.000 đồng mục đích vay trồng rừng thông theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/4/2031. Tổng số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Lộc Bình là 70.000.000 đồng. Hai khoản vay trên thể hiện số tiền vay anh chị thừa nhận đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình, xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng, Do vậy chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn là đúng quy định của pháp luật.

[12.4] Đối với khoản vay quỹ hỗ trợ nông dân huyện B: Ngày 02/7/2021 hộ gia đình anh Lô Đức T và chị Hoàng Thị H vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để thực hiện dự án chăn nuôi trâu sinh sản thời hạn vay 36 tháng, lãi suất phát sinh theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án các đương

sự đều thừa nhận đây là khoản vay chung vì vậy các đương sự phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho quỹ hỗ trợ nông dân huyện B số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

[12.5] Tổng các khoản vay nợ nêu trên số tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng (bẩy trăm bẩy mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng, qua thu thập tài liệu chứng cứ có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T do vậy buộc các đương sự phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên cho các Ngân hàng và Hội nông dân theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Hoàng Thị H có ý kiến đối với các khoản nợ chung chị tự nguyện chịu trách nhiệm trả khoản vay 630.000.000 đồng cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B; các khoản nợ còn lại: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B số tiền 30.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 70.000.000 đồng và nợ Hội nông dân huyện B số tiền 40.000.000 đồng (tổng số tiền là 140.000.000 đồng) anh Lô Đức T có trách nhiệm trả. Phía bị đơn anh Lô Đức T không nhất trí đối với ý kiến của chị Hoàng Thị H mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: Các khoản nợ nêu trên đều là khoản nợ chung của anh chị, trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì mỗi người đều phải có trách nhiệm trả nợ ngang nhau, cụ thể tổng số tiền nợ là 770.000.000 đồng sẽ phải chia đôi và mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ số tiền là 385.000.000 đồng/người. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Hoàng Thị H đã tự nguyện trả khoản nợ 630.000.000 đồng so với khoản nợ anh Lô Đức T phải trả 140.000.000 đồng, xem xét như vậy là có lợi cho anh Lô Đức T. Ý kiến của chị Hoàng Thị H đưa ra là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12.6] Trường hợp chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T đã thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ, lãi suất cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ đã thế chấp, giữ bảo đảm cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[13] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H đã nộp tạm ứng trước số tiền chi phí tố tụng (gồm tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản) là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng), tổng số diện tích đất đo được là 398,8m^2. Chị Hoàng Thị H đã rút và không yêu cầu chia thửa đất: (thửa tạm 353.1, diện tích 2,0m^2 và thửa tạm 344.2, diện tích 1,0m^2; thửa tạm số 349.2, diện tích 11,4m^2) nên phải chịu chi phí tố tụng là 379.000 đồng. Đối với số tiền chi phí tố tụng còn lại: 10.121.000 đồng (mười triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng): 2 = 5.060.500 đồng (năm triệu không trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng), chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T phải chịu. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp đủ. Do chị Hoàng Thị H đã nộp tạm ứng trước nên anh Lô Đức T phải hoàn trả số tiền này cho chị Hoàng Thị H. Trường hợp chậm thanh toán còn phải chịu lãi suất theo quy định.

[14] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện

kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các đương sự đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 27, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 212, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 157, 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Lô Đức T.

2. Về tài sản chung:

2.1. Chị Hoàng Thị H được quản lý, sử dụng diện tích 207,8m^2 đất tại Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH0020 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 01/6/2020, thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 207,8m^2 đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): B1, B2, A2, A3, A4, A5 thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

2.2. Anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng diện tích 176,6m^2 đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01155 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 12/11/2013, thuộc thửa đất số 343, diện tích 188,5m^2 tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 176,6m^2 đất, thuộc thửa đất 343 (thửa tạm 343.1) được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm

(đỉnh thửa): B2, B3, A2, A3, A4, B10, B11, B12, B13, B14, A8 thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T, ông Vi Văn T, bà Đặng Thị L, anh Đặng Văn C, chị Vi Đặng Hồng H. Anh Lô Đức T được quản lý, sử dụng diện tích 11,4m^2 đất tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02326 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 11/3/2014, thuộc thửa đất số 349, diện tích 237,8m^2 tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 11,4m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 349 (thửa tạm 349.2) được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): B14, B13, B12, B11, B10, A5, A6, A7 thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

2.4. Anh Lô Đức T được sở hữu tài sản trên thửa đất 343.1 và 349.2 gồm nhà cấp 4, bếp và công trình phụ.

2.5. Các đương sự: Anh Lô Đức T, hộ ông Vi Văn T, bà Đặng Thị L, anh Đặng Văn C, chị Vi Đặng Hồng H có quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký chỉnh lý biến động, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mục 2.3; quyền sở hữu tài sản tại mục 2.4. theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Giải quyết bù trừ nghĩa vụ: Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Lô Đức T số tiền là 89.700.400 đồng (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn bốn trăm đồng).

2.7. Anh Lô Đức T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 45.399.600 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích 176,6m^2 đất, thuộc thửa đất 343 (thửa tạm 343.1) và yêu cầu được sở hữu tài sản trên thửa đất 343.1.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H, cụ thể như sau:

3.1. Đối với diện tích 1,0m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 344 (thửa tạm 344.2), tờ bản đồ địa chính số 23 xã X cũ (nay là xã T), huyện B tỉnh Lạng Sơn, tài sản trên đất: Không có. Đất có địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 1,0m^2 đất, tài sản trên đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, B2, B3 thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

3.2. Đối với 01 thửa đất ruộng và 01 cái tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3.3. Đối với diện tích 2,0m^2 đất (là đất giao thông) thuộc một phần thửa đất số 353 (thửa tạm 353.1), tờ bản đồ địa chính số 23 xã Xcũ (nay là xã T), huyện B tỉnh Lạng Sơn, tài sản trên đất: Không có. Đất có địa chỉ: Thôn K cũ (nay là Thôn H), xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 2,0m^2 đất, tài sản trên đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, A2, B2, B1, A6 thể hiện tại Trích đo kèm theo Bản án.

4. Về giải quyết nợ chung:

4.1. Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền nợ gốc 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8405-LAV-202102780, ngày 16/11/2021. Trường hợp khi đến hạn trả nợ, bà Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp với Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp số 159/2021/HĐTC ngày 11/11/2021.

4.2. Bị đơn anh Lô Đức T có nghĩa vụ:

Trả nợ cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8405-LAV-201901626, ngày 31/7/2019.

Trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tổng số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (bẩy mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Sổ vay vốn, mã khách hàng số 130190 ngày 07/6/2019 và Sổ vay vốn, mã khách hàng số 2200016131, ngày 19/10/2021.

Trả nợ cho Hội nông dân huyện B số tiền nợ gốc là 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo Biên bản giải ngân ngày 02/7/2021.

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 5.439.500 đồng (xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp đủ). Bị đơn anh Lô Đức T phải chịu 5.060.500 đồng (năm triệu không trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng) tiền chi phí tố tụng. Do chị Hoàng Thị H đã nộp tạm ứng trước nên anh Lô Đức T phải hoàn trả số tiền này cho chị Hoàng Thị H.

6. Về án phí: Chị Hoàng Thị H, anh Lô Đức T, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 20 5, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thuý Huyền